

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2019

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Xô - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 579/2019/TB-TLVA ngày 27 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 594/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thành Đạt, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số F1/5C, ấp 6C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện anh Lê Thành Đạt trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị D sống chung từ năm 2014, hôn nhân do anh tự nguyện lựa chọn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 30 tháng 7 năm 2014. Anh và chị D đã ly thân khoảng 04 năm nay.

Lý do anh yêu cầu ly hôn: Anh và chị Lê Thị D có nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, sống chung với nhau được 01 tháng thì chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Nay, anh yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị D.

Về con chung: Anh và chị D chưa có con chung.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ xác định anh và chị D không có thiếu nợ ai.

Chị Lê Thị D được Tòa án mời hòa giải, xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị D được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ vào ngày 10 tháng 11 năm 2019 và ngày 29 tháng 11 năm 2019 nhưng vắng mặt, anh Lê Thành Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Đ, chị D theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận định, anh Đ và chị D sống chung với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 30 tháng 7 năm 2014 nên được công nhận là vợ chồng từ ngày đăng ký kết hôn. Anh Đ yêu cầu ly hôn chị D với lý do: Tính tình vợ chồng không hòa hợp, dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Đ và chị D đã phát sinh mâu thuẫn nhưng các bên không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho anh Đ ly hôn với chị D.

[4] Về con chung: Anh Đ và chị D chưa có con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Đ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Đ xác định anh và chị D không có nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Thành Đ ly hôn với chị Lê Thị D.

2. Về án phí: Anh Lê Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình; anh Đ có nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002590 ngày 26 tháng 8 năm 2019, được chuyển thu đối trừ. Chị Lê Thị D không phải chịu án phí.

Anh Đ, chị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Minh Trung